****

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

**Dự thảo 2**

**QCVN 43:2024/BGTVT**

**QUY CHUẨN KỸ THUẬT QUỐC GIA**

**VỀ TRẠM DỪNG NGHỈ ĐƯỜNG BỘ**

***National technical regulation on roadside station***

**HÀ NỘI - 2024**

# 

**Lời nói đầu**

|  |
| --- |
| QCVN 43:2024/BGTVT do Cục Đường bộ Việt Nam biên soạn, Vụ Khoa học - Công nghệ và Môi trường trình duyệt, Bộ Khoa học và Công nghệ thẩm định, Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải ban hành kèm theo Thông tư số ………….. /2024/TT-BGTVT ngày …… tháng …… năm 2024.  Quy chuẩn này được biên soạn trên cơ sở: Các Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia, Tiêu chuẩn quốc gia: QCVN 43:2012/BGTVT; Sửa đổi 01:2024 QCVN 43:2012/BGTVT; QCVN 01:2020/BCT; QCVN 01-1:2018/BYT; QCXDVN 05:2008/BXD; QCVN 06:2022/BXD; QCVN 10:2014/BXD; TCVN 4319:2012; TCVN 5687:2010. |

**MỤC LỤC**

**I. QUY ĐỊNH CHUNG**

1.1. Phạm vi điều chỉnh

1.2. [Đối tượng áp dụng](#bookmark4)

1.3. Tài liệu viện dẫn

1.4. [Giải thích từ ngữ](#bookmark5)

**II. QUY ĐỊNH KỸ THUẬT**

2.1. [Quy định chung](#bookmark7)

2.2. Quy định về các hạng mục công trình cơ bản

*2.2.1. Công trình dịch vụ công*

*2.2.2. Công trình dịch vụ thương mại*

*2.2.3. Công trình bổ trợ*

2.3. Quy định về diện tích tối thiểu và các hạng mục công trình

*2.3.1. Phân loại và phạm vi áp dụng của từng loại trạm dừng nghỉ*

*2.3.2. Quy định về bãi đỗ xe và đường ra vào bãi đỗ xe*

*2.3.3. Quy định về nơi nghỉ ngơi của lái xe và hành khách*

*2.3.4. Quy định về khu vệ sinh*

*2.3.5. Quy định về nơi cung cấp thông tin*

*2.3.6. Quy định về khu vực giới thiệu và bán hàng hóa*

*2.3.7. Quy định về khu vực phục vụ ăn uống, giải khát*

*2.3.8. Quy định về trạm cấp nhiên liệu, xưởng BDSC và nơi rửa xe*

*2.3.9. Quy định về hệ thống cấp thoát nước*

2.4. Quy định về phòng chống cháy nổ, vệ sinh môi trường

**III. QUY ĐỊNH VỀ QUẢN LÝ**

3.1. Trách nhiệm quản lý nhà nước

*3.1.1. Trách nhiệm của Cục Đường bộ Việt Nam*

*3.1.2. Tránh nhiệm của Cục Đường cao tốc Việt Nam*

*3.1.3. Trách nhiệm của UBND các tỉnh, TP trực thuộc Trung ương*

3.2. Trách nhiệm của chủ đầu tư, đơn vị khai thác và người sử dụng trạm dừng nghỉ

*3.2.1. Trách nhiệm của chủ đầu tư*

*3.2.2. Trách nhiệm của đơn vị khai thác trạm dừng nghỉ*

*3.2.3. Trách nhiệm của người sử dụng trạm dừng nghỉ*

**IV.** [**TỔ CHỨC THỰC HIỆN**](#bookmark8)

**QUY CHUẨN KỸ THUẬT QUỐC GIA VỀ TRẠM DỪNG NGHỈ ĐƯỜNG BỘ**

***National technical regulation on roadside station***

**I. QUY ĐỊNH CHUNG**

**1.1. Phạm vi điều chỉnh**

Quy chuẩn này quy định điều kiện cơ sở vật chất; các yêu cầu bắt buộc phải tuân thủ trong đầu tư, xây dựng mới, cải tạo hoặc nâng cấp các trạm dừng nghỉ đường bộ.

**1.2. Đối tượng áp dụng**

Quy chuẩn này áp dụng đối với tổ chức, cá nhân đầu tư, xây dựng mới, cải tạo, nâng cấp, quản lý, khai thác trạm dừng nghỉ đường bộ; các cơ quan, tổ chức, cá nhân liên quan đến việc sử dụng dịch vụ, kiểm tra, kiểm chuẩn công bố trạm dừng nghỉ đường bộ đủ điều kiện hoạt động và quy hoạch hệ thống trạm dừng nghỉ đường bộ trong phạm vi nước Việt Nam.

**1.3. Tài liệu viện dẫn**

|  |  |
| --- | --- |
| - QCVN 01: 2020/BCT | Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về yêu cầu thiết kế cửa hàng xăng dầu. |
| - QCVN 01-1: 2018/BYT | Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt. |
| - QCXDVN 05: 2008/BXD | Nhà ở và công trình công cộng - An toàn sinh mạng và sức khoẻ. |
| - QCVN 06: 2022/BXD | Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về an toàn cháy cho nhà và công trình. |
| - QCVN 10: 2014/BXD | Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về xây dựng công trình đảm bảo người khuyết tật tiếp cận sử dụng. |
| - TCVN 4319: 2012 | Nhà và công trình công cộng - Nguyễn tắc cơ bản để thiết kế. |
| - TCVN 5687: 2010 | Thông gió, điều tiết không khí - Tiêu chuẩn thiết kế. |

**1.4. Giải thích từ ngữ**

a) *Trạm dừng nghỉ đường bộ (sau đây gọi là trạm dừng nghỉ)* là công trình thuộc kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ, được xây dựng trên tuyến đường cao tốc, tuyến quốc lộ hoặc đường tỉnh để cung cấp các dịch vụ phục vụ người và phương tiện tham gia giao thông.

*b) Đường ra vào trạm dừng nghỉ* là đường đấu nối từ đường giao thông chính, đường nhánh hoặc đường gom vào trạm dừng nghỉ.

*c) Bãi đỗ xe* là nơi dành cho các phương tiện giao thông đường bộ đỗ khi người điều khiển phương tiện và hành khách sử dụng dịch vụ tại trạm dừng nghỉ.

*d) Nơi cung cấp thông tin* là vị trí đặt, để các tài liệu, sách, báo, bản đồ và các trang thiết bị nghe, nhìn khác.

đ) Khu vực giới thiệu và bán hàng hóa là nơi trưng bày, giới thiệu và bán đồ lưu niệm, các sản phẩm của địa phương nơi đặt trạm dừng nghỉ và các hàng hóa khác.

**II. QUY ĐỊNH KỸ THUẬT**

**2.1. Quy định chung**

2.1.1. Hệ thống trạm dừng nghỉ phải phù hợp với Quy hoạch kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

2.1.2. Điểm đấu nối của đường ra vào trạm dừng nghỉ với đường bộ phải được thực hiện theo quy định tại Thông tư số …/2024/TT-BGTVT ngày …/…/2024 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ[[1]](#footnote-1).

2.1.3. Trạm dừng nghỉ có các chức năng cơ bản sau:

a) Cung cấp dịch vụ nghỉ ngơi;

b) Quản lý giao thông đường bộ;

c) Cung cấp thông tin;

d) Hỗ trợ phát triển kinh tế - xã hội địa phương;

đ) Quảng bá bản sắc văn hóa địa phương.

2.1.4. Các công trình, thiết bị của trạm dừng nghỉ phải được xây dựng, lắp đặt bảo đảm tương ứng với cấp công trình theo quy định tại TCVN 4319:2012 và các quy định liên quan khác.

2.1.5. Hệ thống điện, nước, chiếu sáng, thông tin liên lạc của trạm dừng nghỉ phải bảo đảm đồng bộ, hoàn chỉnh, tuân thủ theo các quy định tại QCVN 07:2010/BXD, TCVN 4319:2012 để có thể cung cấp an toàn, liên tục, ổn định các dịch vụ cho người, phương tiện giao thông. Hệ thống điện phục vụ cho các trụ, thiết bị sạc điện cho xe ô tô điện phải bảo đảm đồng bộ, hoàn chỉnh theo nhu cầu sử dụng và từng giai đoạn đầu tư.

2.1.6. Trạm dừng nghỉ phải có điện thoại cố định, được phủ sóng điện thoại di động và có hệ thống thiết bị truyền thanh.

**2.2. Quy định về các hạng mục công trình cơ bản**

Các hạng mục công trình cơ bản của trạm dừng nghỉ được chia làm 03 nhóm, gồm: Các công trình dịch vụ công (cung cấp dịch vụ miễn phí), các công trình dịch vụ thương mại và các công trình bổ trợ.

2.2.1. Công trình dịch vụ công (cung cấp các dịch vụ miễn phí)

a) Bãi đỗ xe;

b) Không gian nghỉ ngơi;

c) Phòng nghỉ tạm thời cho lái xe;

d) Khu vệ sinh;

đ) Nơi cung cấp thông tin;

e) Nơi tổ chức, phát động tuyên truyền về an toàn giao thông;

g) Nơi trực nhiệm vụ cứu hộ, cứu nạn, sơ cứu tai nạn giao thông.

2.2.2. Công trình dịch vụ thương mại

a) Khu vực phục vụ ăn uống, giải khát;

b) Khu vực giới thiệu và bán hàng hóa;

c) Trạm cấp nhiên liệu;

d) Xưởng bảo dưỡng, sửa chữa phương tiện;

đ) Nơi rửa xe;

e) Phòng ngủ cho lái xe và hành khách lưu trú qua đêm.

g) Khu vực lắp đặt trụ sạc điện, thiết bị sạc điện;

h) Trạm biến áp, trạm phát điện dự phòng.

2.2.3. Công trình bổ trợ (khuyến khích)

a) Biểu trưng của địa phương hoặc của trạm dừng nghỉ;

b) Nơi sản xuất, chế biến đặc sản của địa phương;

c) Nơi sinh hoạt cộng đồng (tổ chức hội chợ, hoạt động văn hóa).

**2.3. Quy định về diện tích tối thiểu và các hạng mục công trình**

2.3.1. Phân loại và phạm vi áp dụng của từng loại trạm dừng nghỉ:

a) Trạm dừng nghỉ được chia làm 04 loại căn cứ vào diện tích tối thiểu và các hạng mục công trình bắt buộc phải có, các hạng mục khuyến khích có đối với từng loại như trong bảng sau:

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Hạng mục** | **Đơn**  **vị tính** | **Loại trạm dừng nghỉ** | | | | |
| **Loại 1** | **Loại 2** | **Loại 3** | **Loại 4** | |
| 01 | Tổng diện tích mặt bằng trạm dừng nghỉ (diện tích tối thiểu) | m2 | 10.000 | 5.000 | 3.000 | 1.000 | |
| 02 | Khu vực đỗ xe (diện tích tối thiểu) | m2 | 5.000 | 2.500 | 1.500 | 500 | |
| 03 | Số vị trí đỗ xe tối thiểu có thể bố trí xe ô tô vào sạc điện chiếm 10% tổng vị trí đỗ xe; việc đầu tư hạ tầng dành để lắp đặt trụ sạc, thiết bị sạc phụ thuộc vào nhu cầu sử dụng và từng giai đoạn đầu tư. |  | Có | | Khuyến khích có | | |
| 04 | Đường xe ra, vào |  | Đường ra, vào riêng biệt | | Đường ra, vào  chung rộng tối thiểu 7,5 m. | | |
| 05 | Khu kiểm tra, bảo dưỡng, sửa chữa phương tiện hoặc khu vực rửa xe |  | Có | | Khuyến khích có | | |
| 06 | Trạm cấp nhiên liệu |  | Có | | Khuyến khích có | | |
| 07 | Kết cấu mặt sân khu vực đỗ xe |  | Thảm nhựa hoặc bê tông có chiều dày tối thiểu 07 cm | | | | |
| 08 | Khu vệ sinh |  | Có diện tích ≥ 3% tổng diện tích sàn xây dựng của các hạng mục công trình có số thự tự 5, 6, 9, 11, 12, 13, 14 tại Bảng này; có nơi vệ sinh phục vụ người khuyết tật theo QCVN 10:2014/BXD | | | | |
| 09 | Phòng nghỉ tạm thời cho lái xe (diện tích tối thiểu) | m2 | 36 | 24 | 18 | | 18 |
| 10 | Không gian nghỉ ngơi (Khu vực có mái che và khu vực trồng cây xanh có ghế ngồi) |  | Tối thiểu bằng 10% tổng diện tích mặt bằng trạm dừng nghỉ (TCVN 4319:2012) | | | | |
| 11 | Nơi cung cấp thông tin |  | Có | | | | |
| 12 | Khu vực ăn uống, giải khát |  | Có | | | | |
| 13 | Khu vực giới thiệu và bán hàng hóa |  | Có | | | | |
| 14 | Phòng trực cứu hộ, sơ cứu tai nạn giao thông |  | Có | | | | |

b) Phạm vi áp dụng đối với từng loại trạm dừng nghỉ:

Căn cứ vào lưu lượng phương tiện, hành khách thông qua tuyến đường và điều kiện cụ thể của khu vực nơi xây dựng trạm dừng nghỉ để tính toán quy mô, năng lực cung cấp dịch vụ của trạm dừng nghỉ. Trên các tuyến quốc lộ, đường cao tốc xây dựng phải áp dụng quy mô trạm dừng nghỉ Loại 1 hoặc Loại 2 hoặc Loại 3 và phù hợp với Quy hoạch kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

2.3.2. Quy định về bãi đỗ xe và đường ra, vào bãi đỗ xe

a) Khu vực bãi đỗ xe: Thiết kế hướng đỗ xe hợp lý để đáp ứng nhu cầu đỗ xe của từng loại phương tiện, đảm bảo an toàn, thuận tiện;

b) Diện tích tối thiểu cho một vị trí đỗ của xe ô tô khách, xe ô tô tải là 40 m2 và cho xe ô tô con là 25 m2. Có vạch sơn để phân định rõ từng vị trí đỗ xe. Có vị trí đỗ xe riêng cho người khuyết tật với diện tích tối thiểu 25 m2 theo QCVN 07:2010/BXD;

c) Đường lưu thông trong trạm dừng nghỉ phải có các biển báo hiệu, vạch kẻ đường; có bán kính quay xe phù hợp (nhưng bán kính tối thiểu không nhỏ hơn 10m tính theo tim đường) được quy định tại QCVN 07:2010/BXD để đảm bảo cho các loại phương tiện lưu thông an toàn trong khu vực trạm dừng nghỉ;

d) Đường ra, vào bãi đỗ xe phải được thiết kế theo các quy định và tiêu chuẩn hiện hành, đảm bảo lưu thông, hạn chế tối thiểu xung đột giữa dòng phương tiện vào và ra và với người đi bộ.

2.3.3. Quy định về nơi nghỉ ngơi của lái xe và hành khách

a) Phòng nghỉ tạm thời cho lái xe phải được trang bị ghế ngả, quạt điện hoặc điều hòa nhiệt độ.

b) Không gian nghỉ ngơi là khu vực kết cấu kiến trúc có mái che hoặc khu vực trong cây xanh, thảm cỏ có bố trí ghế ngồi (không kể khu vực các công trình dịch vụ thương mại), số lượng ghế ngồi được tính toán căn cứ theo lưu lượng khách vào trạm dừng nghỉ, đảm bảo khách vào trạm dừng nghỉ có nơi nghỉ ngơi khi không sử dụng các dịch vụ thương mại của trạm dừng nghỉ.

2.3.4. Quy định về khu vệ sinh

a) Khu vệ sinh phải được bố trí ở những nơi dễ quan sát, tiện cho khách sử dụng, đồng thời tránh ảnh hưởng tới các khu vực ăn uống và nghỉ ngơi của hành khách. Khu vệ sinh phải bố trí vệ sinh nam, nữ riêng và đảm bảo người khuyết tật có thể tiếp cận sử dụng; nơi vệ sinh dành cho người khuyết tật phải có biển báo theo quy ước quốc tế;

b) Khu vệ sinh phải đảm bảo chống thấm, chống ẩm ướt, thoát mùi hôi thối, thông thoáng, tường, mặt sàn và thiết bị phải luôn sạch sẽ. Số lượng, chất lượng các loại thiết bị vệ sinh phải phù hợp với quy định của từng loại công trình theo TCVN 4319:2012;

c) Khu vệ sinh phải được thông gió tự nhiên trực tiếp; nếu thông gió tự nhiên không đáp ứng yêu cầu thì phải dùng thông gió cơ giới theo quy định tại TCVN 5687:2010;

d) Nền, mặt tường khu vệ sinh phải dùng loại vật liệu không hút nước, không hút bẩn, chịu xâm thực, dễ làm vệ sinh;

đ) Tại các vị trí bố trí chậu để rửa tay nên bố trí bàn, gương, móc treo.

2.3.5. Quy định về nơi cung cấp thông tin

a) Nơi cung cấp thông tin: Phải có bản đồ giao thông khu vực và kệ để sách báo để cung cấp cho lái xe, hành khách và người dân địa phương những thông tin về tình hình kinh tế - xã hội, các sản phẩm và văn hóa đặc trưng của địa phương; về các điểm du lịch, tài nguyên thiên nhiên, tình hình giao thông, hệ thống trạm dừng nghỉ, mạng lưới đường bộ trong khu vực và các thông tin khác theo yêu cầu của các cơ quan có thẩm quyền;

b) Nơi cung cấp thông tin phải được bố trí ở vị trí thuận tiện để hành khách dễ nhận biết và tiếp cận dễ dàng;

c) Tùy theo việc bố trí không gian của trạm dừng nghỉ có thể bố trí phòng cung cấp thông tin riêng biệt hoặc sử dụng chung không gian với các khu vực khác.

2.3.6. Quy định về khu vực giới thiệu và bán hàng hóa

a) Việc bố trí nội thất, kệ, quầy bán hàng phải bảo đảm đồng thời hai yếu tố thẩm mỹ và thông thoáng. Việc bố trí không gian nội thất nên cơ động, linh hoạt, dễ dàng thay đổi khi cần thiết;

b) Không gian mua hàng của khách phải đảm bảo thuận tiện để hành khách đi lại, đứng xem, chọn hàng, thử hàng, mua hàng.

2.3.7. Quy định về khu vực phục vụ ăn uống, giải khát

a) Khu vực phục vụ ăn uống, giải khát cho hành khách và lái xe phải được bố trí một khu vực riêng;

b) Khu vực phục vụ ăn uống phải được bố trí bàn ăn, ghế ngồi và thùng rác đảm bảo vệ sinh môi trường;

c) Khu vực chế biến thức ăn và khu vực phục vụ hành khách được ngăn cách bằng vách ngăn lửng hoặc được bố trí khu vực riêng biệt;

d) Nền khu vực phục vụ ăn uống phải dùng loại vật liệu dễ làm vệ sinh;

đ) Khu vực phục vụ ăn uống phải được thông gió tự nhiên và trang bị hệ thống quạt mát, quạt hút mùi. Tùy theo yêu cầu cụ thể của từng trường hợp có thể thông gió bằng phương pháp cơ giới và thiết bị điều hòa nhiệt độ theo quy định tại TCVN 5687:2010;

e) Khu vực ăn uống phải đảm bảo luôn sạch sẽ, đáp ứng đầy đủ các quy định về vệ sinh môi trường, các sản phẩm ăn uống phục vụ khách hàng phải đảm bảo các quy định về vệ sinh, an toàn thực phẩm.

2.3.8. Quy định về trạm cấp nhiên liệu, xưởng bảo dưỡng sửa chữa và nơi rửa xe.

a) Việc thiết kế, xây dựng, hoạt động của khu vực cấp nhiên liệu phải được thực hiện đúng theo các quy định của Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về thiết kế cửa hàng xăng dầu QCVN 01:2020/BCT;

b) Khu vực cấp nhiên liệu, bảo dưỡng sửa chữa và nơi rửa xe phải được bố trí riêng biệt, có đường ra, vào thuận tiện không ảnh hưởng đến giao thông chung trong khu vực trạm dừng nghỉ.

2.3.9. Quy định về hệ thống cấp thoát nước.

a) Hệ thống cấp nước cho trạm dừng nghỉ phải đảm bảo hoạt động ổn định, có khả năng cung cấp đủ lượng nước cho nhu cầu sử dụng của trạm dừng nghỉ;

b) Chất lượng nước phục vụ cho ăn uống và chất lượng nước phục vụ cho sinh hoạt phải bảo đảm đáp ứng đầy đủ các chỉ tiêu chất lượng theo quy định tại QCVN 01-1:2018/BYT;

c) Hệ thống thoát nước của trạm dừng nghỉ bao gồm hệ thống thoát nước thải và hệ thống thoát nước mưa và đấu nối với hệ thống thoát nước tại địa phương;

d) Hệ thống thoát nước phải đảm bảo không để ứ đọng nước làm gián đoạn hoạt động của trạm dừng nghỉ.

**2.4. Quy định về phòng chống cháy nổ, vệ sinh môi trường**

a) Trạm dừng nghỉ phải có hệ thống công trình thu gom, xử lý nước thải tập trung theo quy định; có hệ thống tiêu thoát nước mưa;

b) Có đủ thiết bị, phương tiện và lực lượng lao động thu gom chất thải, làm vệ sinh môi trường trong phạm vi quản lý;

c) Bố trí đủ thùng rác tại tất cả các khu vực để đảm bảo vệ sinh môi trường;

d) Đối với trạm dừng nghỉ có xưởng bảo dưỡng, sửa chữa phải có hệ thống thu gom, lưu giữ, xử lý chất thải nguy hại theo quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường. Có biện pháp giảm thiểu bụi khí thải, hạn chế tiếng ồn, phát sáng, phát nhiệt ảnh hưởng đến môi trường xung quanh theo quy định tại QCXDVN 05:2008/BXD;

đ) Trạm dừng nghỉ phải được xây dựng và lắp đặt các trang thiết bị phòng chống cháy nổ theo đúng các quy định tại QCVN 06:2022/BXD.

e) Niêm yết quy định về giữ gìn vệ sinh trong khu vực trạm dừng nghỉ.

**III. QUY ĐỊNH VỀ QUẢN LÝ**

**3.1. Trách nhiệm quản lý nhà nước**

3.1.1. Trách nhiệm của Cục Đường bộ Việt Nam

Tổ chức triển khai Quy chuẩn này trên các tuyến quốc lộ thuộc phạm vi quản lý, trừ quy định tại điểm 3.1.2 của Quy chuẩn này.

3.1.2. Trách nhiệm của Cục Đường cao tốc Việt Nam

Tổ chức triển khai Quy chuẩn này trên các tuyến cao tốc thuộc phạm vi quản lý, trừ quy định tại điểm 3.1.1 của Quy chuẩn này.

3.1.3. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương

Tổ chức triển khai Quy chuẩn này trên địa bàn thuộc địa phương quản lý (trừ những tuyến quốc lộ, cao tốc thuộc thẩm quyền quản lý của cơ quan quy định tại điểm 3.1.1 và điểm 3.1.2 Điều 3.1 Quy chuẩn này).

**3.2. Trách nhiệm của chủ đầu tư, đơn vị khai thác và người sử dụng trạm dừng nghỉ**

3.2.1. Trách nhiệm của chủ đầu tư

a) Đầu tư xây dựng trạm dừng nghỉ phù hợp với Quy hoạch kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ đã được phê duyệt và các quy định của Quy chuẩn này;

b) Đầu tư xây dựng trạm dừng nghỉ phải tuân thủ trình tự quản lý đầu tư xây dựng và các quy định liên quan khác của pháp luật; bảo đảm tiến độ, chất lượng công trình, bảo vệ môi trường.

3.2.2. Trách nhiệm của đơn vị khai thác trạm dừng nghỉ

a) Bảo đảm an ninh trật tự, an toàn xã hội, phòng chống cháy nổ tại trạm dừng nghỉ;

b) Bảo đảm an toàn vệ sinh thực phẩm, vệ sinh môi trường tại trạm dừng nghỉ;

c) Cung cấp các dịch vụ miễn phí tại mọi thời điểm cho người có nhu cầu sử dụng theo quy định tại điểm 2.2.1 của Quy chuẩn này;

d) Thường xuyên bảo dưỡng, sửa chữa, bổ sung trang thiết bị, cơ sở vật chất; phổ biến, tuyên truyền pháp luật, nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ cho người lao động nhằm duy trì và nâng cao chất lượng phục vụ của trạm dừng nghỉ, thực hiện nghiêm túc các quy định của nhà nước về trạm dừng nghỉ;

đ) Niêm yết giá hàng hóa, dịch vụ kinh doanh tại trạm dừng nghỉ theo quy định; niêm yết nội quy của trạm dừng nghỉ;

e) Chịu sự quản lý, thanh tra, kiểm tra của các cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền.

3.2.3. Trách nhiệm của người sử dụng trạm dừng nghỉ

a) Giữ gìn an ninh trật tự, vệ sinh môi trường, phòng chống cháy nổ trong khu vực trạm dừng nghỉ;

b) Chấp hành nội quy, quy định và hướng dẫn của nhân viên tại trạm dừng nghỉ;

**IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

4.1. Trong quá trình áp dụng Quy chuẩn này, nếu có khó khăn vướng mắc, Cục Đường bộ Việt Nam tổng hợp và kiến nghị Bộ Giao thông vận tải sửa đổi, bổ sung.

4.2. Trường hợp các tiêu chuẩn, quy chuẩn, văn bản quy phạm pháp luật được viện dẫn trong Quy chuẩn này có sự thay đổi, bổ sung hoặc được thay thế thì áp dụng theo vản bản mới./.

1. Nội dung này sẽ cập nhật khi có VBQPPL mới theo Luật Đường bộ 2024. [↑](#footnote-ref-1)